

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/DS-ST
Ngày: 04 – 5– 2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình;
2. Ông Phan Văn Truện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Phan Gia Hân - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2026/TLST-DS, ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2026/QĐXXST-DS ngày 18/3/2026 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956. (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1966. (Có mặt).

2.2. Bà Lê Thị Kim G, sinh năm 1970. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã M, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị Kim H, sinh năm 1979.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và phần trình bày trong quá

trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Bà Nguyễn Thị B nhờ con gái là bà Hồ Thị Kim H đứng tên giữ hộ kinh doanh tên "Hồ Thị Kim H" với ngành nghề là Buôn bán và bán lẻ phân bón, thuốc trừ sâu, tuy nhiên vốn là của bà B và bà là người trực tiếp buôn bán.

Trước đây bà B nhiều lần bán phân bón, thuốc trừ sâu cho ông Nguyễn Văn K, đến nay vẫn chưa thanh toán hết số nợ, cụ thể:

Vào trước vụ hè thu năm 2019 ông Nguyễn Văn K nhiều lần mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của bà B, đến ngày 20/3/2020 chốt nợ số tiền 400.000.000 đồng, ông K có viết biên nhận chữ viết tay và ký tên, bà G là vợ ông K có viết chữ "Lê Thị Kim G1", còn chữ ký "G" là ông K ký giữ. Trong giấy chốt nợ ghi tên là chị "Ba Bê" là tên thường gọi của bà B. Hai bên có thỏa thuận tiền lãi 2 phần trăm (tức 2%/tháng) tuy nhiên đến nay chưa trả nợ gốc cũng như tiền lãi.

Vụ lúa hè thu năm 2019 ông K tiếp tục mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của bà B và nợ tổng số tiền 45.000.000 đồng, ông K có ký tên chốt nợ ngày 20/01/2020.

Vụ lúa Đông xuân năm 2020 ông K mua phân bón và thuốc trừ sâu còn nợ số tiền 19.996.000 đồng, cụ thể:

Ngày 19/11/2019 mua phân bón và nợ số tiền 4.150.000 đồng;

Ngày 27/10/2019 mua thuốc bảo vệ thực vật nợ số tiền 8.117.000 đồng; Ngày 11/11/2019 mua thuốc bảo vệ thực vật nợ 370.000 đồng; Ngày 16/12/2019 mua thuốc bảo vệ thực vật nợ 2.080.000 đồng; Ngày 25/12/2019 mua thuốc bảo vệ thực vật nợ 2.122.000 đồng; Ngày 6/01/2020 mua thuốc bảo vệ thực vật nợ 1.905.000 đồng; Ngày 12/01/2020 mua thuốc nợ 1.252.000 đồng. Tổng cộng là 15.846.000 đồng.

Tổng hai khoản là 4.150.000 đồng + 15.846.000 đồng = 19.996.000 đồng. Số liệu mua bán nêu trên bà B có liệt kê trong sổ theo dõi, khoản nợ này ông K và bà G chưa ký tên.

Khoản nợ 45.000.000 đồng và khoản nợ 19.996.000 đồng ghi chung trong một mặt giấy, các bên có thỏa thuận miệng lãi là 2%/tháng.

Như vậy khoản nợ gốc mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật là 45.000.000 đồng + 19.996.000 đồng + 400.000.000 đồng = 465.000.000 đồng (làm tròn).

Trước đây bà B nhiều lần liên hệ vợ chồng ông K và bà G để yêu cầu trả nợ, vợ chồng ông K hứa hẹn nhưng đến nay chưa thanh toán.

Về tiền lãi, bà B yêu cầu tính theo mức lãi suất 1%/tháng. Đối với khoản nợ 400.000.000 đồng yêu cầu tính lãi từ ngày chốt nợ 20/3/2020 đến ngày khởi kiện 20/12/2025 là (69 tháng) thành tiền 276.000.000 đồng. Đối với khoản nợ 65.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày chốt nợ 20/01/2020 đến ngày khởi kiện 20/12/2025 (71 tháng) là 46.150.000 đồng. Tổng tiền lãi là 322.150.000 đồng (làm tròn là 322.000.000 đồng).

Ngoài ra bà B yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 21/12/2025 đến ngày xét xử, làm tròn là 04 tháng thành tiền 18.600.000 đồng, tuy nhiên bà B chỉ yêu cầu làm tròn

là 18.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền nợ lãi là 322.000.000 đồng + 18.000.000 đồng = 340.000.000 đồng.

Do đó, bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị Kim G liên đới trả số tiền mua phân bón và thuốc trừ sâu là 465.000.000 đồng và tiền lãi tính đến nay là 340.000.000 đồng theo mức lãi suất 1%/tháng. Bà B không đồng ý cho vợ chồng ông K trả dần vì khoản nợ trên đã quá lâu, nguồn vốn trên bà B vay Ngân hàng phải chịu lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày tại phiên tòa như sau:

Ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị Kim G là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Trước đây vợ chồng ông K có vườn đất để canh tác lúa do đó nhiều lần mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của bà Nguyễn Thị B, tên thường gọi là chị Ba B1. Nhưng vì trồng lúa thua lỗ nên không có khả năng thanh toán nợ. Ông K thống nhất số tiền nợ gốc là 465.000.000 đồng, khi chót nợ có thỏa thuận lãi hay không thì ông K không nhớ, nay ông K thống nhất tổng số tiền lãi là 340.000.000 đồng tính theo mức lãi suất 1%/tháng.

Vợ chồng ông K khó khăn, trước đây ông K bị bệnh nên phải vay mượn tiền để điều trị đến nay chưa trả hết nợ. Hiện nay ông K làm bảo vệ, bà G làm công nhân, tổng thu nhập chỉ hơn 10.000.000 đồng/tháng nên không có khả năng trả một lần hết số nợ cho bà B1. Ông K đề nghị được trả nợ dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nếu có thu nhập cao hơn thì trả thêm.

Bị đơn bà Lê Thị Kim G vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Kim H uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà Hồ Thị Kim H là con của bà B, bà H thống nhất với toàn bộ phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà B.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi vụ án được thụ lý đến trước khi xét xử cũng như tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lê Thị Kim G đã được cấp tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bà G là đúng quy định.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị B yêu cầu ông K và bà G liên đới trả số tiền nợ mua phân bón, thuốc trừ sâu là 465.000.000 đồng và tiền lãi 340.000.000 đồng là có cơ sở vì căn cứ vào biên nhận chót nợ ngày 20/3/2020 ông K và bà G có ký xác nhận nợ 40.000.000 đồng, số tiền 45.000.000 đồng ông K có ký tên vào sổ nhận hàng của bà B. Hơn nữa tại phiên tòa ông K thừa nhận còn nợ bà B 465.000.000 đồng. Do ông K và bà G vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà B yêu cầu trả gốc 465.000.000 đồng, lãi là 340.000.000 đồng theo mức lãi suất 1%/tháng và được ông K đồng ý là có căn cứ và phù hợp Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự.

Ông K trình bày điều kiện khó khăn, vợ chồng làm công nhân thu nhập bình quân mỗi tháng là 6.000.000 đồng/người nên xin bà B cho trả dần hàng tháng là 10.000.000

đồng nhưng không được bà B đồng ý. Xét thấy ông K và bà G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà B cũng không đồng ý cho trả dần nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn K, bà Lê Thị Kim G có địa chỉ cư trú tại xã M, tỉnh Tây Ninh thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ mua bán phân bón và thuốc trừ sâu. Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tây Ninh.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Bà Lê Thị Kim G đã được cấp, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà G là đúng quy định Điều 227, Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Bà Nguyễn Thị B yêu cầu ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Kim G2 liên đới trả tổng số tiền nợ mua bán phân bón và thuốc trừ sâu là 465.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1%/tháng kể từ ngày chót nợ đến ngày xét xử, thành tiền là 340.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị Kim G là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 31/2010 ngày 20/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Long An. Bị đơn ông Nguyễn Văn K thừa nhận vợ chồng ông có mua phân bón và thuốc trừ sâu của bà B để canh tác lúa. Ông K thống nhất số tiền nợ gốc 465.000.000 đồng và nợ lãi 340.000.000 đồng như bà B yêu cầu.

Như vậy căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430 Bộ luật Dân sự có cơ sở xác định giữa các bên có xác lập giao dịch mua bán phân bón và thuốc trừ sâu, nợ tổng số tiền gốc là 465.000.000 đồng.

[3.2] Về tiền lãi: Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Xét thấy, bà B yêu cầu tính theo lãi suất 1%/tháng kể từ ngày các bên chót nợ đến ngày xét xử làm tròn là 340.000.000 đồng là phù hợp. Bị đơn ông K thống nhất số nợ lãi như trên nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà B.

[3.3] Về thời hạn, phương thức thanh toán: Tại phiên tòa, ông K yêu cầu được trả nợ dần cho bà B mỗi tháng 10.000.000 đồng, ngược lại bà B yêu cầu trả một lần hết số nợ. Xét thấy bị đơn ông K và bà G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và không được bà B đồng ý cho trả dần, do đó căn cứ Điều 440 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử buộc ông K và bà G thanh toán nợ như bà B yêu cầu.

[3.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, buộc ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị Kim G có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ gốc là 465.000.000 đồng và tiền lãi 340.000.000 đồng.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn ông K và bà G phải chịu án phí theo quy định là 36.150.000 đồng. Xét thấy, ông K sinh ngày 01/01/1966 đến nay đã đủ 60 tuổi, ông K có đơn xin miễn án phí nên đủ điều kiện được miễn án phí tương ứng số tiền 18.075.000 đồng. Bà G không được miễn án phí nên phải nộp số tiền án phí là 18.075.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng các Điều 288, 357, 430, 440 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về tranh chấp hợp đồng mua bán với ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị Kim G.

Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị Kim G có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị B số tiền nợ gốc 465.000.000 đồng và tiền lãi 340.000.000 đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là 805.000.000 đồng (Tám trăm lẻ năm triệu đồng).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim G phải nộp số tiền án phí là 18.075.000 đồng. Ông Nguyễn Văn K được miễn nộp án phí. Bà Nguyễn Thị B được miễn nộp tạm ứng án phí và không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Kim G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 8 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Dương Thị Tuyết Nhung